

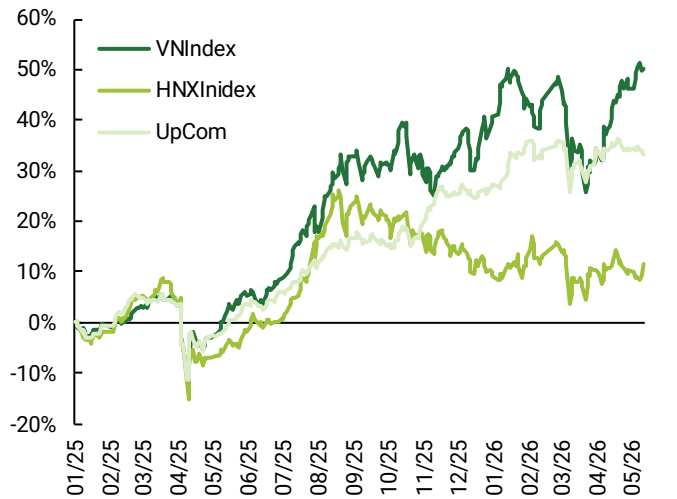
**VN-Index** **1901.1 (0.30%)**  
799 Tr. cổ phiếu 21330.4 Tỷ VND (-24.50%)

**HNX-Index** **253.28 (2.10%)**  
44 Tr. cổ phiếu 795.7 Tỷ VND (-38.06%)

**UPCOM-Index** **126.6 (-0.50%)**  
22 Tr. cổ phiếu 362.0 Tỷ VND (-46.01%)

**VN30F1M** **2049.00 (0.49%)**  
217,163 HD OI: 32,118 HD

### % Hiệu suất của các chỉ số từ năm 2025



### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1901.1, tăng +5.6 điểm (+0.30%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên mua. Sắc xanh cũng ghi nhận ở Vn30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch. Tuy lực mua trở lại vào cuối phiên chiều nhưng khớp lệnh ở mức thấp hàm ý dòng tiền vẫn còn khá thận trọng.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Bất động sản: DXG (+3.2%), VRE (+5.5%), DXS (+6.9%) | Ngân hàng: LPB (+3.2%), STB (+6.4%) | Hóa chất: PHR (+3.4%), GVR (+4.5%) | Dầu khí: PVD (+1.6%), PLX (+2.7%), BSR (+4.9%).  
Diễn biến yếu trong phiên: Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (-6.6%), VSC (-2.4%) | Xây dựng và Vật liệu: PC1 (-2.9%), CTD (-2.8%), VGC (-2.0%) | Thực phẩm và đồ uống: IDI (-5.7%), ANV (-1.3%) | Dịch vụ tài chính: VIX (-1.6%), ORS (-1.1%).  
Tác động chỉ số: Chiều tăng | STB, GAS, BSR, GVR, LPB - Chiều giảm | VIC, GEE, VCB, VHM, CTG.  
Khối ngoại Bán ròng gần 800 tỷ, tập trung nhiều ở FPT, VHM, MSB, trong khi mua ròng VIC, VRE, GEX.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Hammer khi vừa tiếp cận MA10-ngày, song, thanh khoản ở mức thấp hàm ý lực cầu mua lên chưa thuyết phục. Đà tăng ở các mã trụ Vingroup, Gelex đang bộc lộ dấu hiệu suy yếu và rủi ro hạ nhiệt là hiện hữu. Việc giá điều chỉnh ở nhóm này có thể kéo theo chỉ số hạ nhiệt hoặc kèm rung lắc mạnh nếu không xuất hiện lực đỡ đối ứng. Về kỹ thuật, chỉ báo RSI vẫn trên đà giảm từ vùng quá mua, trong khi độ dốc của MACD tiếp tục thu hẹp, hàm ý xung lực tăng kém đi. Khớp lệnh mua chủ động cần tiếp tục được mở rộng ở các phiên sau, sẽ củng cố hơn cho phản ứng bật tăng. Trái lại, áp lực điều chỉnh vẫn sẽ chi phối, với khả năng kiểm định lại vùng 1850 - 1870 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số phục hồi trên ngưỡng 250 nhưng thanh khoản chưa đồng thuận. Vận động khả năng hạ nhiệt nhằm kiểm định thêm khu vực này. Hỗ trợ gần hiện quanh ngưỡng 246 trong khi kháng cự gần là ngưỡng 256.
- **Chiến lược:** NĐT nên tập trung vào danh mục hiện có để quản trị phù hợp. Hiện đa phần cổ phiếu đang vận động quanh vùng hỗ trợ ngắn hạn, nếu chưa vi phạm, có thể tiếp tục nắm giữ. Chiều mua mới chưa nên vội vàng, cần xuất hiện mẫu hình breakout (bật tăng) đáng tin cậy. Trường hợp giá có dấu hiệu sập gãy xu hướng, nên chủ động hạ bớt vị thế để kiểm soát rủi ro. Các nhóm ngành đáng chú ý: Ngân hàng, Cao su, Cảng biển, Thép.

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi GMD (Xem tiếp tại trang 7)

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
<b>Theo chỉ số</b>												
VN-Index	1,901.1	0.3%	1.4%	8.6%	21,330.4	-24.5%	-4.8%	-13.6%	799.0	-22.6%	3.1%	-17.0%
HNX-Index	253.3	2.1%	2.4%	0.5%	795.7	-38.1%	-37.1%	-51.4%	43.8	-34.8%	-35.8%	-51.5%
UPCOM-Index	126.6	-0.5%	-0.5%	-0.6%	362.0	-46.0%	-44.0%	-59.9%	21.8	-37.5%	-29.8%	-70.9%
VN30	2,054.0	0.7%	1.1%	6.5%	11,255.2	-15.0%	-12.7%	-14.0%	297.4	-7.8%	-12.6%	-31.0%
VNMID	2,247.1	0.1%	2.7%	0.2%	8,482.1	-33.4%	4.8%	-13.6%	366.5	-32.7%	1.4%	-15.4%
VNSML	1,394.4	0.0%	-0.7%	-2.2%	725.9	-41.2%	-32.1%	-34.5%	48.0	-27.5%	-21.0%	-38.9%
<b>Theo ngành (VNIndex)</b>												
Ngân hàng	648.9	0.4%	1.72%	1.6%	5,492.9	-1.02%	-13.0%	10.0%	229.2	-3.4%	-11.9%	9.5%
Bất động sản	1,026.1	-0.2%	5.6%	34.6%	4,946.3	-13.2%	-14.5%	15.6%	156.7	-2.6%	-8.0%	26.5%
Dịch vụ tài chính	315.4	-0.1%	2.2%	-1.8%	1,854.1	-53.1%	-41.0%	-21.8%	83.5	-55.2%	-43.2%	-22.4%
Công nghiệp	301.5	-1.7%	15.1%	11.3%	1,189.2	-43.8%	-38.4%	0.6%	32.3	-43.6%	-41.7%	-6.0%
Tài nguyên cơ bản	538.1	-0.2%	-0.4%	-1.4%	731.0	-29.8%	-25.5%	-21.4%	33.8	-28.1%	-17.3%	-12.3%
Xây dựng - Vật Liệu	177.6	0.0%	1.0%	-1.7%	1,569.8	-34.9%	-5.5%	27.4%	64.9	-38.7%	-14.5%	11.3%
Thực phẩm	489.2	-0.3%	-10.0%	-28.6%	1,354.0	-9.5%	-7.4%	20.0%	32.9	8.0%	7.8%	27.5%
Bán Lẻ	1,533.7	0.4%	-2.3%	0.0%	619.3	-50.1%	-30.9%	-9.0%	8.4	-55.0%	-29.5%	-5.4%
Công nghệ	382.4	0.7%	-4.8%	-9.4%	665.6	-46.4%	-34.9%	-2.3%	10.2	-51.7%	-33.2%	2.0%
Hóa chất	189.8	3.0%	-2.9%	0.1%	758.8	-24.9%	1.1%	40.1%	20.4	-20.5%	1.5%	35.5%
Tiện ích	740.0	2.0%	-1.7%	-4.9%	387.9	-4.1%	-36.7%	-2.9%	17.0	-8.3%	-46.2%	-8.5%
Dầu khí	113.6	4.1%	5.3%	-0.6%	944.4	-9.5%	17.5%	83.5%	32.2	-10.4%	16.1%	83.8%
Dược phẩm	418.4	0.1%	-1.2%	-3.1%	46.1	-22.1%	-23.8%	-3.8%	2.6	55.1%	10.3%	48.8%
Bảo hiểm	104.5	3.4%	-7.7%	-14.2%	74.1	-24.1%	-2.3%	51.2%	1.4	-24.7%	-10.5%	35.1%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,901.1	0.30%	6.5%	15.5x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,484	-0.38%	17.8%	17.0x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	6,859	-0.68%	-20.7%	16.0x	1.8x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,954	0.18%	5.3%	17.0x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	5,972	-0.25%	-1.3%	9.2x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,214	-0.25%	6.2%	18.9x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,348	-0.22%	2.8%	13.7x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	62,743	0.52%	24.6%	24.3x	3.0x
S&P 500	Mỹ	7,413	0.19%	8.3%	29.0x	5.8x
Dow Jones	Mỹ	49,704	0.19%	3.4%	25.4x	5.7x
FTSE 100	Anh	10,233	-0.36%	3.0%	16.4x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,842	-0.90%	0.9%	17.2x	2.5x
DXY		98.2	0.35%	-0.1%		
USDVND		26,332	0.03%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

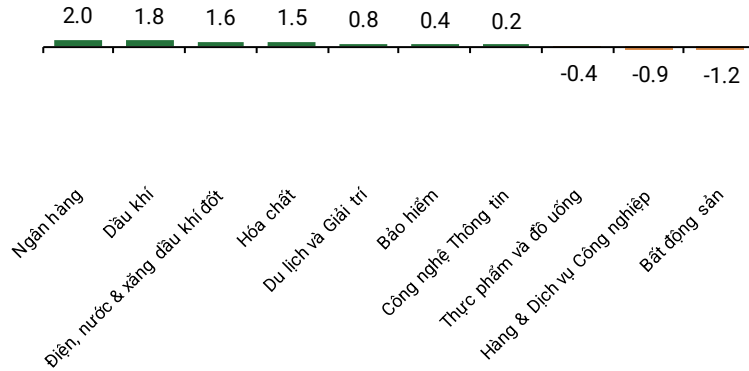
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	3.34%	13.1%	77.0%	65.8%
Dầu WTI	▲	3.6%	5.2%	77.0%	64.0%
Khí gas	▬	0.5%	10.5%	-20.6%	-19.7%
Than cốc (*)	▬	0.0%	6.9%	6.9%	13.2%
Thép HRC (*)	▬	0.2%	6.3%	6.9%	6.6%
PVC (*)	▼	-1.0%	-0.5%	9.9%	5.2%
Phân Urea (*)	▲	1.3%	-3.1%	89.0%	103.4%
Cao su thiên nhiên	▼	-0.7%	9.3%	23.3%	29.5%
Bông Cotton	▼	-1.0%	18.6%	35.1%	30.3%
Đường	▲	1.7%	10.3%	1.1%	-14.3%
World Container Index	▬	0.0%	-1.0%	3.3%	10.1%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-1.8%	-29.0%	91.7%	155.1%
Vàng	▼	-0.95%	-1.2%	8.6%	45.0%
Bạc	▼	-2.83%	10.2%	16.7%	156.5%

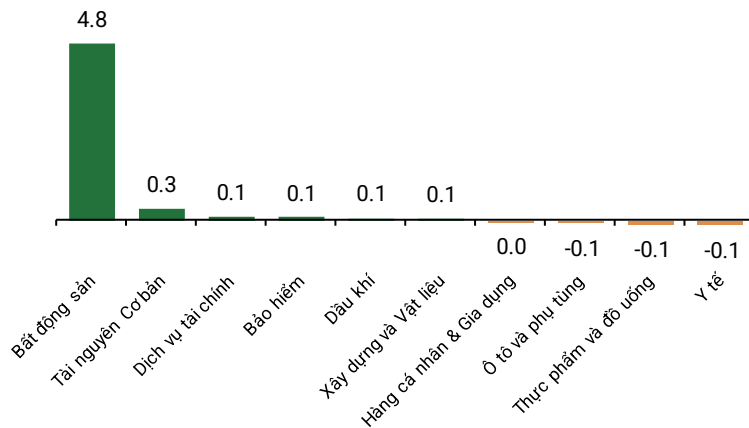
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

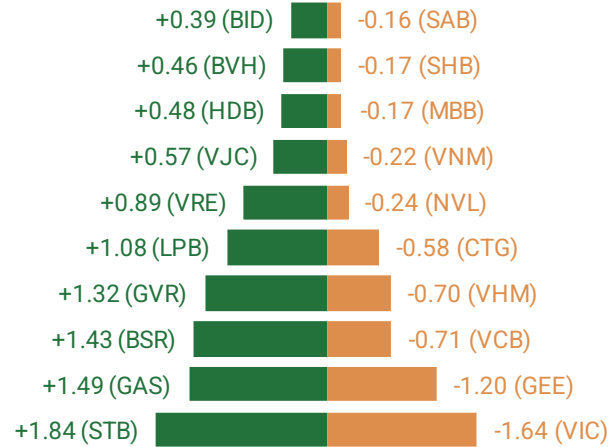
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



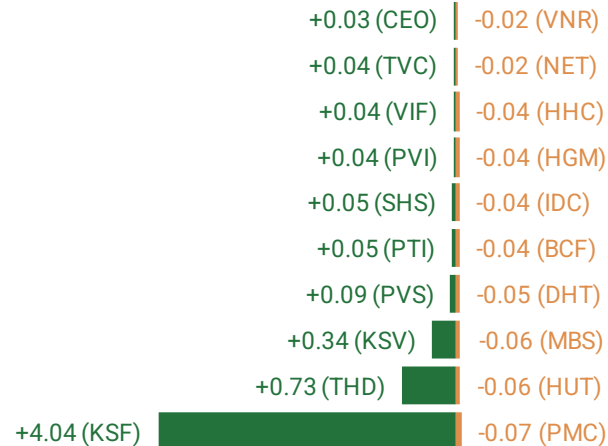
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

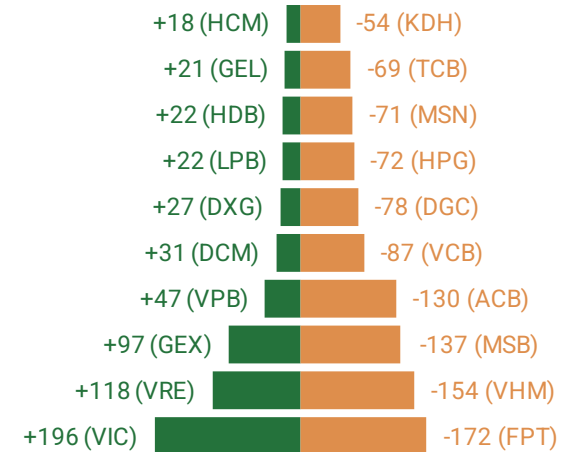


### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

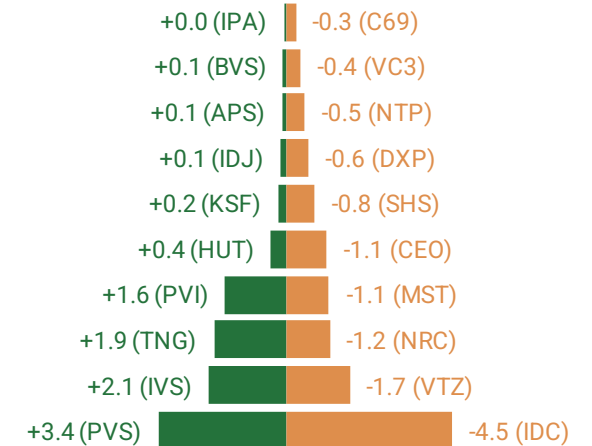


## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

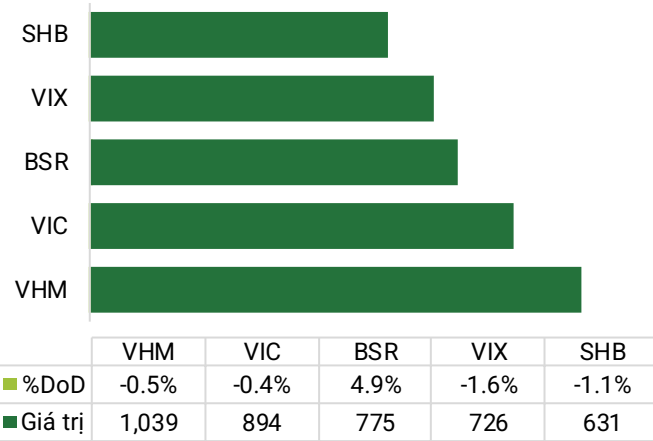
### TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



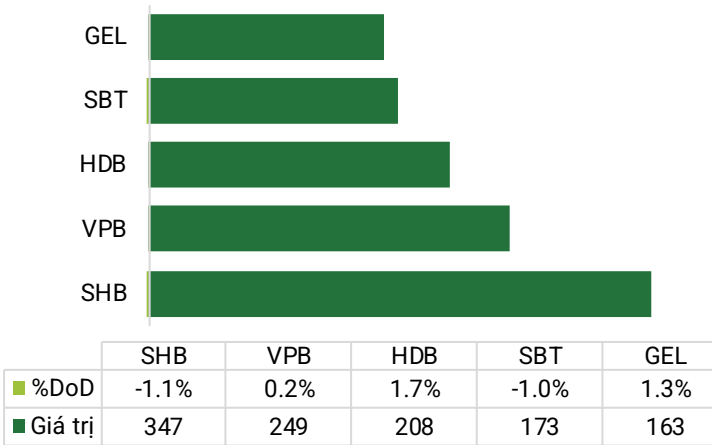
### TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

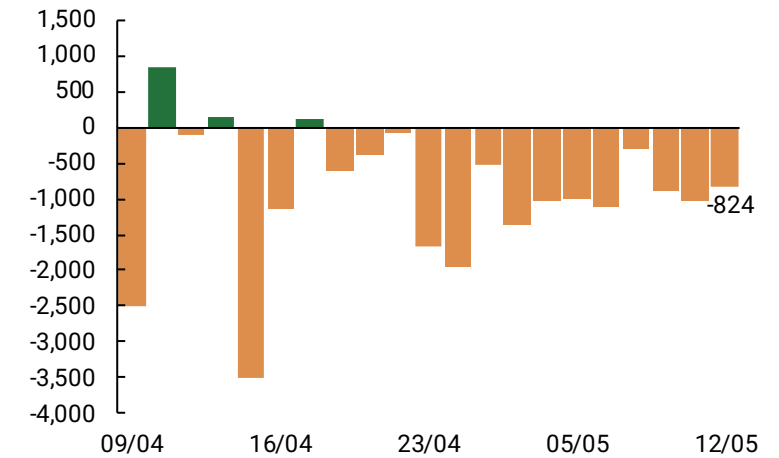


### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

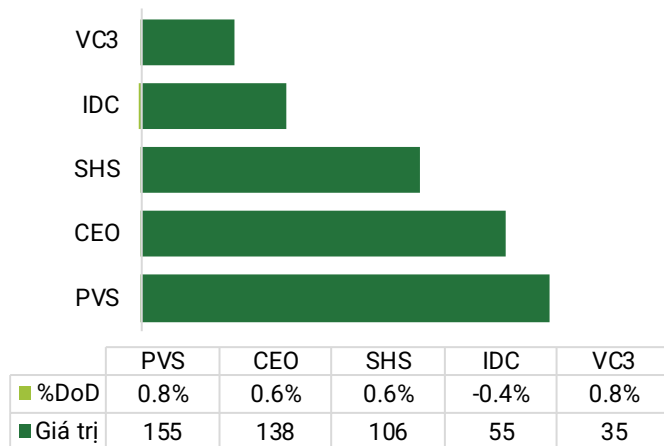


## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

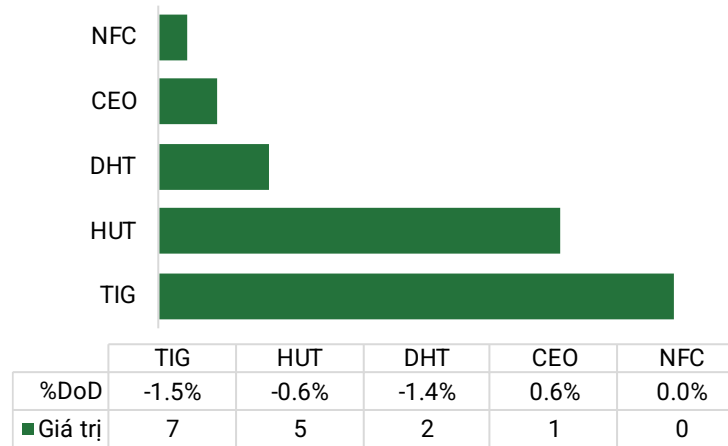
### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



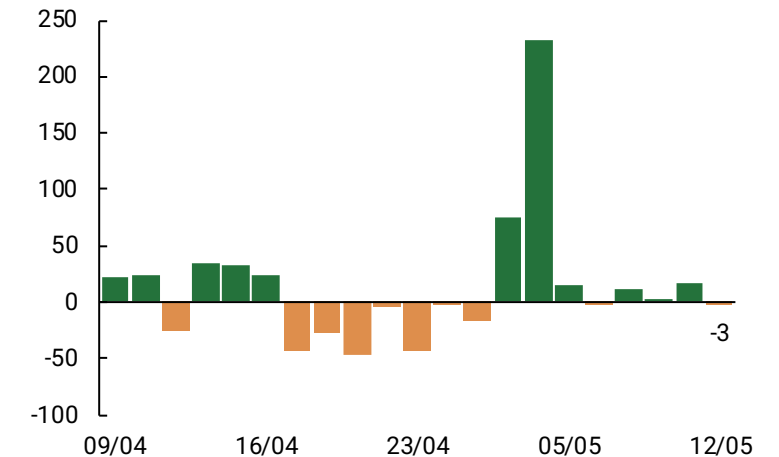
### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)



### Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	GMD	Theo dõi	12/05/2026	81.60	77 - 78	-	88	13.5%	73	-5.8%	

### Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	SIP	Mua	09/04/2026	-	58.8	60.5 - 61	-3.2%	68	11.93%	57	-6.17%	
2	VIB	Mua	09/04/2026	-	16	16.2 - 16.3	-1.5%	17.7	8.92%	15.5	-4.62%	
3	HPG	Mua	14/04/2026	-	26.9	27.1 - 27.3	-1.1%	30	10.29%	25.5	-6.25%	Cổ tức tiền mặt 11/05 - 500 đồng/cp
4	MBB	Mua	05/05/2026	-	25.9	25.9 - 26.1	-0.4%	29	11.54%	24.4	-6.15%	
5	MWG	Mua	08/05/2026	-	83.8	84 - 84.6	-0.6%	94	11.51%	80	-5.10%	
6	MSN	Mua	11/05/2026	-	77.7	78.5 - 79	-1.4%	88	11.68%	75	-4.82%	



### Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Hammer, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1850 | 1800.
- ✓ Kháng cự: 1920 | 1950.
- ✓ MACD hạ nhiệt, RSI giảm từ vùng quá mua.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố lại đà.

**Kịch bản:** Chỉ số giữ trạng thái rung lắc quanh khu vực định cũ với tâm lý thận trọng chiếm ưu thế. Điểm trừ là độ rộng thị trường chưa được cải thiện, với các bước tăng riêng lẻ và thiếu lan tỏa. Chỉ báo RSI cũng giảm từ vùng quá mua, hàm ý động lượng suy yếu. Nếu xuất hiện thêm nến đỏ đóng cửa dưới ngưỡng 1890 điểm sẽ gia tăng khả năng điều chỉnh về khu vực 1850 – 1870 điểm.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến tăng thấp hơn ½ nến giảm phiên trước, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 2040 | 2000.
- ✓ Kháng cự: 2100 | 2150.
- ✓ MACD hạ nhiệt, RSI giảm từ vùng quá mua.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố lại đà.

**Kịch bản:** Phản ứng bật tăng chưa thuyết phục khi thanh khoản ở mức thấp. Quán tính đi lên đã gặp trở ngại khi đà tăng chỉ tập trung ở số ít mã trụ cột, và rủi ro đảo chiều hiện hữu nếu các mã này mất đà. Nhịp điều chỉnh là cần thiết để củng cố lại động lực. Hỗ trợ gần hiện quanh vùng 2000 – 2040 điểm, nơi cung cầu khả năng trở lại giằng co.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	<b>GMD</b>	<b>WATCH</b>	Current price	<b>81.60</b>	P/E (x)	18.3
Exchange	HOSE		Watch zone	<b>77 - 78</b>	P/B (x)	2.5
Sector	Transportation Services		Target price	88	EPS	4457.4
			Cut loss price	73	ROE	14.6%
				Stock Rating	A	
				Scale Market Cap	Medium	



## TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên MA20, MA50 ngày
  - Chỉ báo MACD vận động trên đường tín hiệu, trong khi RSI giữ đà tăng trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng ổn định.
  - Thanh khoản cải thiện cho thấy dòng tiền quay lại.
  - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng đi lên được ủng hộ và khả năng hướng về đỉnh lịch sử.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát phản ứng khi giá hạ nhiệt về khu vực 77 - 78.



### Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2049, tăng 10 điểm (+0.5%). Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế nhưng lực cầu đã trở lại mạnh mẽ hơn vào phiên chiều, thúc đẩy nhịp hồi.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD vận động dưới đường tín hiệu, trong khi RSI chỉ phục hồi lên ngang mức trung bình, hàm ý áp lực điều chỉnh vẫn chi phối. Tuy nhiên, giá có thể phục hồi kỹ thuật để kiểm định lại kháng cự trong đà giảm. Vị thế Long cần nhắc khi giá củng cố được trên ngưỡng 2050. Vị thế Short có thể chờ khi giá suy yếu tại vùng cản 2062 - 2065, hoặc khi giá lùi về dưới ngưỡng 2038.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1972.7, giảm 6.3 điểm (-0.3%). Độ lệch basis 15.7 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 30 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1965 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1985 điểm.

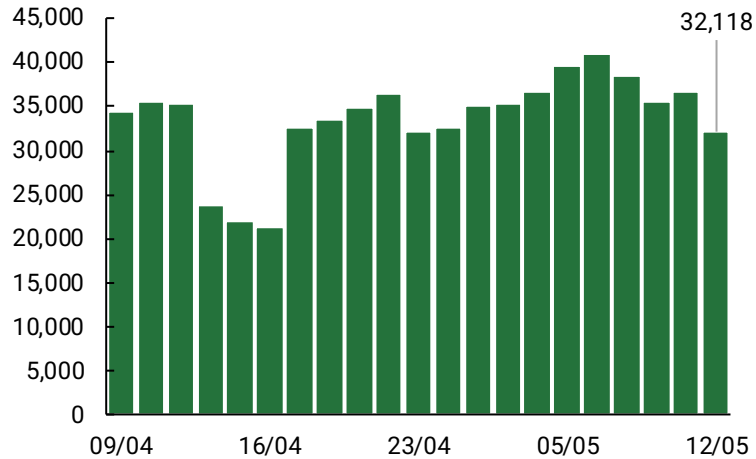
### Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 2050	2060	2041	10 : 9
Short	< 2062	2048	2070	14 : 8
Short	< 2038	2024	2048	14 : 10

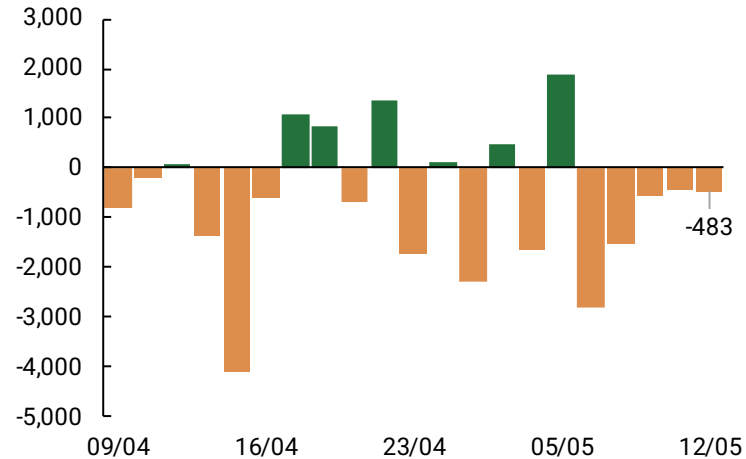
### Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	2,040.0	-0.9	11	50	2,072.7	-32.7	17/12/2026	219
4111G9000	2,040.0	-2.4	41	326	2,064.9	-24.9	17/09/2026	128
4111G6000	2,042.5	2.5	712	2,829	2,057.1	-14.6	18/06/2026	37
4111G5000	2,049.0	10.0	217,163	32,118	2,054.7	-5.7	21/05/2026	9
4112G5000	1,972.7	-6.3	30	33	1,989.1	-16.4	21/05/2026	9

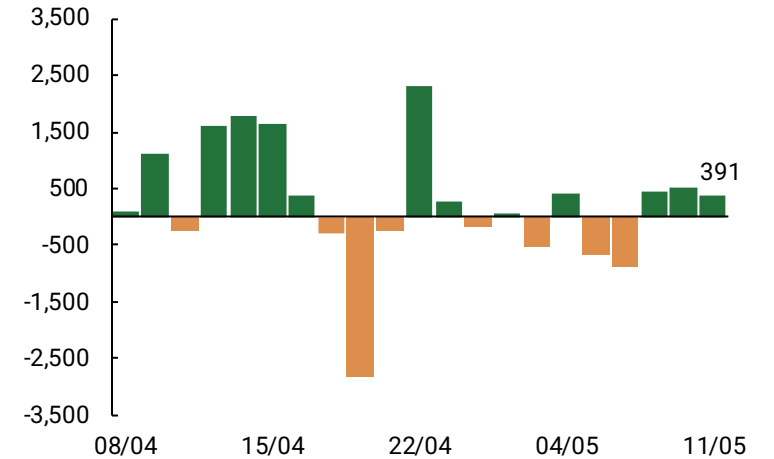
Khối lượng mở (Open interest)



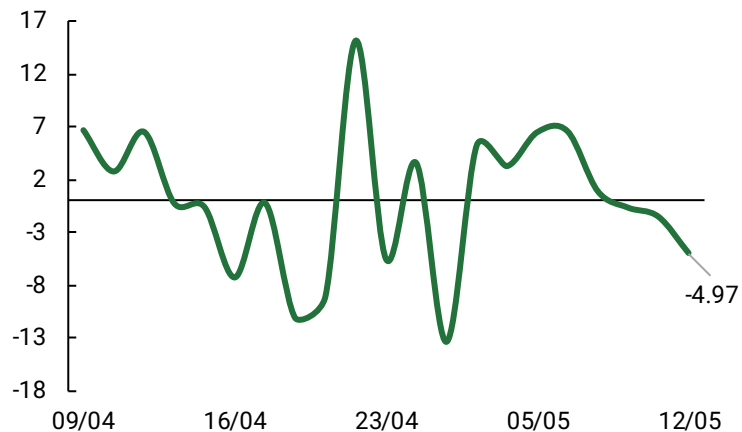
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



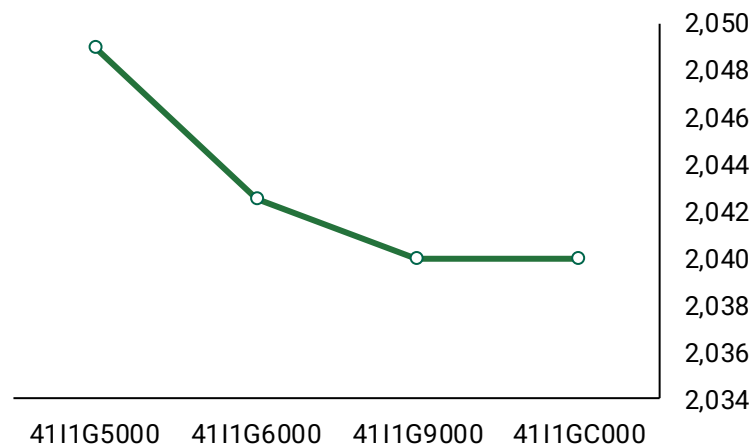
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



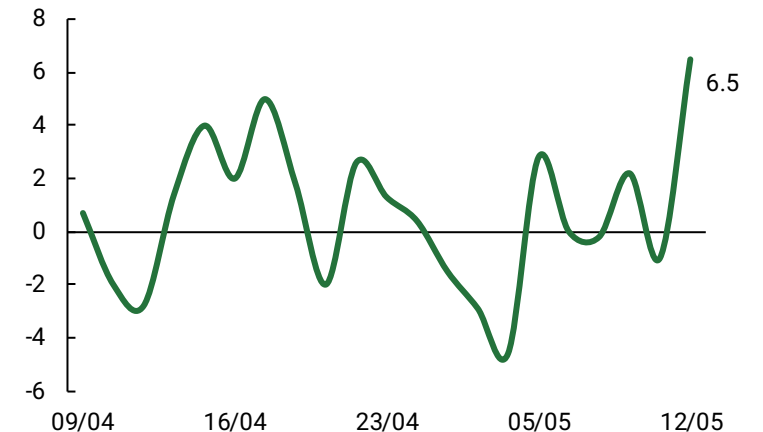
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



01/05	Vietnam & Mỹ - Chỉ số PMI
03/05	Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội tháng 4/2026
08/05	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
09/05	Mỹ - Các thành viên FOMC phát biểu
11/05	Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
12/05	Mỹ– Chỉ số CPI
13/05	Mỹ - Chỉ số PPI Việt Nam – Công bố danh mục (MSCI)
14/05	Mỹ - Doanh số bán lẻ
18/05	Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
21/05	Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng tương lai Mỹ – Biên bản cuộc họp FOMC
28/05	Mỹ - Ước tăng trưởng GDP (lần 2), Chỉ số PCE lõi
31/05	Trung Quốc - Chỉ số PMI

### THÔNG TIN VĨ MÔ

**Quốc hội sẽ sửa toàn diện Luật Đất đai :** Ngày 11/5, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về tổng kết kỳ họp thứ nhất và chuẩn bị kỳ họp thứ hai dự kiến diễn ra cuối năm nay. Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn cho biết khối lượng nội dung trình kỳ họp tới rất lớn, gồm gần 40 dự án luật và nghị quyết quy phạm pháp luật. Trong đó, việc sửa đổi toàn diện Luật Đất đai được xác định là nhiệm vụ trọng tâm theo chỉ đạo của Bộ Chính trị.

**Giá cao su tự nhiên đạt đỉnh 9 năm, Việt Nam và nhiều nước châu Á hưởng lợi:** Giá cao su tự nhiên đang chạm mức cao nhất trong 9 năm qua do nhu cầu gia tăng khi người tiêu dùng giảm bớt sử dụng cao su tổng hợp có nguồn gốc từ dầu mỏ trong bối cảnh căng thẳng Mỹ - Iran leo thang.

**Nhiều tổ chức dự báo Fed không hạ lãi suất trong năm 2026:** BofA Global Research và Goldman Sachs là những tổ chức mới nhất điều chỉnh lùi dự báo hạ lãi suất của Fed, với lý do áp lực lạm phát vẫn cao do giá năng lượng tăng mạnh cùng sức chống chịu của thị trường lao động Mỹ. Giới giao dịch hiện kỳ vọng Fed sẽ duy trì lãi suất trong vùng 3.50% - 3.75% cho tới hết năm nay.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**SHB lãi trước thuế 4,656 tỷ đồng quý 1:** Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội công bố kết quả kinh doanh quý 1/2026 với lợi nhuận trước thuế đạt 4,656 tỷ đồng, tăng gần 7% so với cùng kỳ và hoàn thành 26% kế hoạch năm. Tổng thu nhập thuần lên 7,471 tỷ đồng (+23.5%) và thu nhập dịch vụ tăng 291% lên 1,288 tỷ đồng, là điểm sáng trong cơ cấu lợi nhuận. Tổng tài sản hợp nhất đạt 930,983 tỷ đồng (+4.4%) và huy động vốn thị trường 1 tăng 4.7%. Các chỉ tiêu tăng trưởng tích cực khẳng định đà phát triển bền vững của SHB.

**SBT - Chủ tịch AgriS gia tăng sở hữu:** Bà Đặng Huỳnh Ước My, Chủ tịch HĐQT AgriS, đăng ký mua 42,755,629 cổ phiếu SBT trong tháng 5, nâng tỷ lệ sở hữu từ 9.32% lên 13.93% sau khi hoàn tất. Đây là động thái trong giai đoạn công ty đẩy mạnh mở rộng chuỗi giá trị, nông nghiệp công nghệ cao và thị trường quốc tế, được xem là tín hiệu tích cực về niềm tin lãnh đạo đối với triển vọng dài hạn. Giao dịch dự kiến từ 15/05 đến 13/06/2026.

**TNG - Nhóm VinaCapital rời ghế cổ đông lớn tại TNG sau 1 tháng:** Quỹ VinaCapital đã bán toàn bộ 219,200 cổ phiếu TNG, giảm tỷ lệ sở hữu xuống 0%, giá trị giao dịch khoảng 4.6 tỷ đồng. Tuy nhiên, cùng ngày, TNG công bố chi trả cổ tức tiền mặt 5% (500 đồng/cổ phiếu) vào năm 2025, dự kiến chi hơn 64 tỷ đồng, nâng tổng mức cổ tức năm 2025 lên 20% (gần 257 tỷ đồng).

**HT1 - Doanh nghiệp ngành xi măng có thêm quý thuận lợi:** Ngành xi măng Q1/2026 tiếp tục khởi sắc khi lợi nhuận ròng toàn ngành đạt gần 45 tỷ đồng, đảo chiều mạnh so với lỗ 124 tỷ đồng cùng kỳ. Doanh thu tăng 11% lên gần 5,448 tỷ đồng, biên lãi gộp cải thiện từ 7% lên 10%. Số doanh nghiệp thua lỗ giảm còn 5, trong khi 4 doanh nghiệp tăng lợi nhuận. Vicem Hà Tiên (HT1) dẫn đầu với lợi nhuận ròng gần 78 tỷ đồng, đảo chiều từ lỗ hơn 9 tỷ đồng, nâng ngành lên mức lãi.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	52,100	73,400	40.9%	Mua
CTG	35,250	45,200	28.2%	Mua
CTD	73,900	82,900	12.2%	Tăng tỷ trọng
DBD	49,800	68,000	36.5%	Mua
DDV	26,383	35,900	36.1%	Mua
DGW	42,250	48,500	14.8%	Tăng tỷ trọng
DPG	41,100	42,900	4.4%	Nắm giữ
DPR	42,500	46,500	9.4%	Nắm giữ
DRI	14,250	17,200	20.7%	Mua
EVF	13,300	14,400	8.3%	Nắm giữ
FRT	138,300	157,600	14.0%	Tăng tỷ trọng
GMD	81,600	94,900	16.3%	Tăng tỷ trọng
HAH	57,700	60,300	4.5%	Nắm giữ
HDG	25,100	34,000	35.5%	Mua
HHV	12,300	12,300	0.0%	Nắm giữ
HPG	26,900	33,800	25.7%	Mua
IMP	46,850	55,000	17.4%	Tăng tỷ trọng
KDH	23,600	38,800	64.4%	Mua
MCH	126,000	177,200	40.6%	Mua
MWG	83,800	115,600	37.9%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	25,900	34,000	31.3%	Mua
NLG	26,800	39,900	48.9%	Mua
NT2	22,950	27,700	20.7%	Mua
PHR	64,800	72,800	12.3%	Tăng tỷ trọng
PNJ	69,500	75,500	8.6%	Nắm giữ
PVS	40,000	39,900	-0.2%	Giảm tỷ trọng
PVT	22,600	18,900	-16.4%	Bán
POW	14,050	15,000	6.8%	Nắm giữ
SAB	47,000	57,900	23.2%	Mua
SSI	28,050	32,100	14.4%	Tăng tỷ trọng
TLG	50,000	50,900	1.8%	Nắm giữ
TCB	33,800	42,400	25.4%	Mua
TCM	22,700	37,900	67.0%	Mua
TRC	74,100	94,800	27.9%	Mua
VCB	59,900	84,200	40.6%	Mua
VPB	27,850	37,000	32.9%	Mua
VCG	22,000	26,200	19.1%	Tăng tỷ trọng
VHC	61,300	60,000	-2.1%	Giảm tỷ trọng
VNM	60,100	66,650	10.9%	Tăng tỷ trọng

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Định nghĩa xếp loại**

**MUA:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

**TĂNG TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

**NẮM GIỮ:** Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

**BÁN:** Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

**GIẢM TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

**KHÔNG XẾP HẠNG:** Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

#### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

#### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5 - văn phòng C, tòa nhà Taisei Square Hanoi - Số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

#### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415